

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HS-PT

Ngày 24-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Chu Long Kiếm;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Cao Cường - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:
Bà Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 07 năm 2024 đối với bị cáo Đào Ngọc Doanh và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2024/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đào Ngọc D (tên gọi khác: Không); sinh ngày 09 tháng 01 năm 1962 tại tỉnh Hưng Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện nay: Số 7xx, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần Thiết kế và Xây dựng; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Ngọc D (đã chết) và bà Hà Thị T (đã chết); vợ: Đào Thị T; con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; là Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ thuộc Đảng bộ phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; bị đình chỉ sinh hoạt Đảng tại Quyết định số 86-QĐ/UBKTTU ngày 07/02/2024 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy L, tỉnh Lạng Sơn; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28-3-2023 đến nay; có mặt.

2. Lộc Sơn K (tên gọi khác: Không); sinh ngày 10 tháng 9 năm 1979 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện nay: Thôn P – M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông: Lộc Văn K (đã chết) và bà Tôn Thị D; vợ: Hoàng Thị C; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; là Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ Ban Quản lý đầu tư xây dựng huyện C - Đảng bộ huyện C, tỉnh Lạng Sơn; bị đình chỉ sinh hoạt Đảng tại Quyết định số 115-QĐ/UBKTHU ngày 06/02/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy C, tỉnh Lạng Sơn; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04-4-2023 đến nay; có mặt.

3. Phạm H (tên gọi khác: Không); sinh ngày 14 tháng 3 năm 1978 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ngõ 1xx, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện nay: Số 1x, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Mạnh T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); vợ: Trịnh Thanh T; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04-4-2023 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đào Ngọc D:*

1. Ông Đàm Quốc C, Luật sư Công ty luật Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

2. Ông Ngô Việt T, Luật sư Công ty luật Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Vy Hoàng M, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

2. Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng. Địa chỉ: Số 5xx, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Đào Ngọc D, chức danh: Giám đốc; có mặt.

- *Người giám định:*

1. Ông Vy Minh A – Cơ quan công tác: Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Mạnh L – Cơ quan công tác: Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Ngoài ra còn có 01 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị; 02 bị cáo có kháng cáo đã rút đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 21-7-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình sửa chữa đập R, xã H, huyện C (sau viết tắt là Quyết định số 2130) có nội dung: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C (sau viết tắt là Ban Quản lý dự án) là chủ đầu tư và trực tiếp quản lý thực hiện công trình sửa chữa đập R, xã H, huyện C (sau viết tắt là công trình đập R). Tổng mức đầu tư là 3.275.377.937 đồng. Nguồn vốn đầu tư từ vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác. Chủ đầu tư căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc được phê duyệt có trách nhiệm triển khai các bước theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình. Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình đập R do Công ty cổ phần xây dựng P lập, có nội dung “Đất đắp lấy tại xã H vận chuyển đến công trình cự ly vận chuyển là 8km”.

Thực hiện Quyết định số 2130, Nguyễn Hữu T - Giám đốc Ban quản lý dự án đã thực hiện ký hợp đồng với đơn vị thi công, đơn vị giám sát như sau:

Ngày 08-8-2016, Nguyễn Hữu T ký Hợp đồng số 64a/2016/HĐ-TVGS về tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình với Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi C (Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn) do Lê Văn T làm Giám đốc.

Ngày 17-8-2016, Nguyễn Hữu T ký Hợp đồng thi công xây dựng của gói thầu xây lắp công trình cải tạo, sửa chữa đập R số 12/2016/HĐ-XD với nhà thầu xây dựng là Công ty Cổ phần thiết kế và xây dựng do Đào Ngọc D làm Giám đốc, Hợp đồng xây dựng thuộc loại giao khoán trọn gói. Hợp đồng có nội dung:

Nội dung và khối lượng công việc: Nhà thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật trong Hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật được chủ đầu tư chấp thuận và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng (Điều 5). Việc thanh toán trên được thực hiện theo khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu và theo kế hoạch vốn được bố trí hàng năm (Điều 8).

Thực hiện hợp đồng, Đào Ngọc D phân công Nguyễn Văn C làm Kỹ sư chỉ đạo thi công tại công trình đập R. Lê Văn T ký, ban hành Quyết định số 65a/QĐ-TLCL ngày 09-8-2016 về việc thành lập tổ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình đập R. Tổ tư vấn giám sát gồm Tổ trưởng là Lê Văn K, cán bộ giám sát hiện trường là Liễu Đoàn T, cán bộ phối hợp kiểm tra hồ sơ hoàn công là Vũ Thị Thu H. Tổ tư vấn giám sát chịu trách nhiệm thực hiện việc giám sát thi công công trình theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước về quản lý chất lượng xây dựng công trình.

Quá trình thi công, nghiệm thu, thanh, quyết toán công trình đập Rọ Soong có những sai phạm như sau:

Đất đắp đập tại Báo cáo kinh tế kỹ thuật được phê duyệt là đất lấy tại xã H

vận chuyển đến công trình cự ly vận chuyển là 8km. Tuy nhiên, khi thi công công trình đập R, chủ đầu tư không xác định vị trí và bàn giao vị trí lấy đất cho đơn vị thi công lấy đất để đắp đập. Đào Ngọc D đã gặp và trao đổi, thống nhất với ông Đinh Xuân N (ông N có nhà và đồi ở gần đập R) về việc đơn vị thi công sẽ mở một con đường xuyên đồi đi thẳng qua nhà ông N vào đến mặt đập. Số đất thừa ra từ việc mở đường được dùng để đắp đập và tương đương với chi phí mở đường, không bên nào phải thanh toán thêm tiền chênh lệch. Sau đó, Đào Ngọc D chỉ đạo Nguyễn Văn C có trách nhiệm chỉ đạo nhân công, sử dụng máy móc để mở đường và lấy đất thừa ra từ việc mở đường để đắp đập. Cự ly vận chuyển đất để đắp đập khoảng 212m. Việc lấy đất ở gần đập để đắp đập có Đào Ngọc D, Nguyễn Văn C, Lê Văn K, Liễu Đoàn T, Đinh Xuân N biết. Tuy nhiên, khi nghiệm thu Nguyễn Văn C và Lê Văn K đã ký nghiệm thu xác định cự ly vận chuyển đất đắp đập là 8km. Do đó, khi thanh, quyết toán đã thanh, quyết toán cự ly vận chuyển đất đắp đập là 8km với số tiền là 322.219.302 đồng.

Tại Công văn số 430/TTKD-TVXD ngày 19/11/2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc xác định giá trị vận chuyển đất thể hiện: Giá trị chi phí vận chuyển đất chênh lệch giữa hồ sơ quyết toán với cự ly thể hiện trên biên bản khám nghiệm hiện trường đối với tổng khối lượng vận chuyển đất C3 (hạng mục Đập đất, công lấy nước) 5.004,3m³; cự ly vận chuyển 8km chưa phù hợp với cự ly vận chuyển theo kết quả xác định khoảng cách khai thác vận chuyển dùng để đắp đập 212m là: 322.219.302 đồng – 59.615.475 đồng = 262.603.827 đồng.

Tại Kết luận giám định của Người giám định tư pháp theo vụ việc lĩnh vực Tài chính đầu tư, thời gian giám định từ ngày 14-12-2022 đến ngày 05-01-2023, kết luận: Việc thực hiện nghiệm thu, thanh, quyết toán không đúng giá trị thực tế thi công là hành vi vi phạm quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán công trình xây dựng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10-10-2013 của Chính phủ; giá trị vi phạm là 262.603.827 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm linh ba nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng).

Ngoài ra, đơn vị thi công còn thi công sai các hạng mục sau:

Thi công sai thiết kế các hạng mục đập đất, tràn xả lũ, nhà tre van (trụ tháp), cầu công tác và đường quản lý khai thác. Tại Kết luận giám định tư pháp xây dựng số 397/KL-TTKĐ ngày 04-11-2022 của Trung tâm giám định Chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn - Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn kết luận:

Tại thời điểm giám định các kích thước, chi tiết xây dựng trong các hạng mục công trình được kiểm tra có sự sai khác so với bản vẽ hoàn công và hồ sơ quyết toán.

Giá trị thanh quyết toán đối với các khối lượng công việc xây dựng qua xác định khối lượng thi công hoàn thành đã thi công trên hiện trường có sai lệch so với hồ sơ thanh quyết toán là 11.455.481 đồng.

Tại Kết luận giám định của Người giám định tư pháp theo vụ việc lĩnh vực Tài chính đầu tư, thời gian giám định từ ngày 14-12-2022 đến ngày 05-01-2023, kết luận: Việc thực hiện nghiệm thu, thanh, quyết toán không đúng giá trị thực tế thi công là hành vi vi phạm quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán công trình xây dựng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10-10-2013 của Chính phủ; giá trị vi phạm là 11.455.481 đồng (mười một triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi một đồng).

Thi công sai thiết kế, kê không giá trị thi công hạng mục đường ống dẫn nước

Tại Kết luận giám định tư pháp xây dựng số 332/KL-TTKĐCL&QH XD ngày 09-11-2023 của Trung tâm giám định Chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn - Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn kết luận:

Số lượng cốt chuyển hướng tại các vị trí ống đi nổi trên hiện trường và cốt góc 90^0 cuối tuyến có sai lệch với hồ sơ quyết toán.

Khối lượng công việc xây dựng qua xác định khối lượng hoàn thành đã thi công trên hiện trường có sai lệch so với hồ sơ quyết toán đối với số lượng cốt chuyển hướng và cốt góc 90^0 giá trị là 20.928.136 đồng.

Tại Kết luận giám định của Người giám định tư pháp theo vụ việc lĩnh vực Tài chính đầu tư, thời gian giám định từ ngày 14-12-2023 đến ngày 31-12-2023, kết luận: Việc thực hiện nghiệm thu, thanh, quyết toán không đúng giá trị thực tế thi công là hành vi vi phạm quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán công trình xây dựng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10-10-2013 của Chính phủ; hành vi vi phạm này dẫn tới làm tăng giá trị quyết toán công trình là 20.928.136 đồng (hai mươi triệu chín trăm hai mươi tám nghìn một trăm ba mươi sáu đồng).

Những sai phạm nêu trên đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 294.987.444 đồng (hai trăm chín mươi tư triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Để xảy ra những sai phạm trên là do Đào Ngọc D đã tự ý thay đổi vị trí lấy đất để đắp đập có cự ly vận chuyển khoảng 212m. Nhưng khi xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán thì Đào Ngọc D vẫn kê khai cự ly vận chuyển đất để đắp đập là 8km. Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lộc Sơn K và Phạm H đã thiếu trách nhiệm mà không thực hiện, thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao nên không phát hiện ra sai phạm của đơn vị thi công. Do đó, đã nghiệm thu, thanh, quyết toán hạng mục vận chuyển đất với cự ly vận chuyển là 8km.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2024/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 224; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015

đối với bị cáo Đào Ngọc D.

Căn cứ vào điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 và Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lộc Sơn K và Phạm H.

- Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đào Ngọc D phạm tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”.

Tuyên bố các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đào Ngọc D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lộc Sơn K 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung:

Cấm bị cáo Lộc Sơn K làm công việc có liên quan về đầu tư công trình sử dụng vốn của Nhà nước. Thời hạn cấm là 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Cấm bị cáo Phạm H làm công việc có liên quan về đầu tư công trình sử dụng vốn của Nhà nước. Thời hạn cấm là 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, bị cáo Đào Ngọc D kháng cáo kêu oan, yêu cầu hủy phần trách nhiệm hình sự của bị cáo và tuyên bị cáo không phạm tội; các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H kháng cáo xin hưởng án treo. Các bị cáo Lê Văn K, Nguyễn Hữu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Lê Văn K và bị cáo Nguyễn Hữu T đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án đã ra quyết định chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Lê Văn K, Nguyễn Hữu T.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lộc Sơn K và bị cáo Phạm H: Thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nêu và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo.

Bị cáo Đào Ngọc D thừa nhận diễn biến, nội dung sự việc như Bản án sơ thẩm đã nêu và cho rằng: Bị cáo không được giao vị trí lấy đất, sau khi lấy đất

xong thì chủ đầu tư mới đưa ra biên bản giao vị trí lấy đất, bị cáo đã ký vì chủ đầu tư nói là để báo cáo cấp trên. Bị cáo không có thẩm quyền tổ chức nghiệm thu, bị cáo chỉ là thành phần tham gia nghiệm thu và ký biên bản nghiệm thu. Bị cáo không kê không độ dài vị trí lấy đất, bị cáo chỉ lập hồ sơ thanh, quyết toán theo đúng hợp đồng, nhân viên của bị cáo lập hồ sơ thanh quyết toán và bị cáo ký. Có việc làm sai thiết kế là do nhân viên của bị cáo làm, bị cáo không chỉ đạo làm sai thiết kế, bị cáo thiếu trách nhiệm kiểm tra, giám sát. Bị cáo không phải là chủ thể của tội phạm đã bị xét xử, bị cáo không phải là chủ đầu tư, không phải là cán bộ Nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy Bản án sơ thẩm số 54/2024/HSST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, tuyên bố: Các bị cáo Đào Ngọc D, Lê Văn K, Nguyễn Văn C phạm tội: “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”. Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lộc Sơn K và Phạm H phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng nhân thân, cũng như đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và ấn định mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

Xét kháng cáo của bị cáo Đào Ngọc D kháng cáo kêu oan, yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, nhận thấy:

Từ tháng 8/2016 đến tháng 5/2017, trong quá trình thi công công trình cải tạo, sửa chữa đập R tại thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Lợi dụng việc chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư huyện C không xác định vị trí và bàn giao vị trí lấy đất cho đơn vị thi công lấy đất đắp đập, dựa trên báo cáo kỹ thuật được phê duyệt là lấy đất đắp đập tại xã H, huyện C vận chuyển đến công trình với cự li là 8 km (8000m), được thể hiện trong hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật do Công ty cổ phần xây dựng P (đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế) trình chủ đầu tư đã được thẩm định phê duyệt. Ngoài ra trong hồ sơ dự toán; Hồ sơ điều chỉnh dự toán công trình đã được thẩm định thì việc vận chuyển đất đắp đập có các cự li 300m; 01km; 07+01 km. Khối lượng đất cần vận chuyển để thi công là 5004,3m³. Trong quá trình thi công Đào Ngọc D đã chỉ đạo Nguyễn Văn C là chỉ huy trưởng Công trình có trách nhiệm chỉ đạo nhân công, máy móc mở đường và lấy đất thừa để đắp đập. Theo biên bản khám nghiệm hiện trường xác định vị trí mức lấy đất, vận chuyển để đắp đập là 212 m. Tuy nhiên bị cáo Đào Ngọc D và Lê Văn K không báo cáo đề xuất để thay đổi vị trí lấy đất (đề xuất sửa đổi thiết kế xây dựng) cho phù hợp với thi công mà tự ý thay đổi vị trí lấy đất đắp đập đồng thời khi lập hồ sơ thanh quyết toán Nguyễn Văn C và Đào Ngọc D đã lập giá trị nghiệm thu, thanh quyết toán với cự ly vận chuyển đất từ 212m lên 8000m để Công ty Cổ phần thiết kế xây dựng do Đào Ngọc D làm giám đốc hưởng lợi số tiền 262.603.827 đồng và Nhà nước đã bị thất thoát số tiền này. Ngoài ra, Đào Ngọc D đã chỉ đạo Nguyễn Văn C thi công sai thiết kế đối với hạng mục gồm: Đập đất; Tràn xả lũ; Nhà tre van; Cầu Công tác; Nhà van hạ lưu;

Đường quản lý khai thác có sai lệch giữa hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán với hồ sơ hoàn công và kết quả kiểm tra hiện trường, việc thi công sai thiết kế này gây thiệt hại cho nhà nước số tiền **11.455.481 đồng**, còn đối với hạng mục đường ống dẫn nước (ống gang), quá trình thi công, nhà thầu xây dựng đã lắp đặt thiếu cút chuyển hướng và cút góc 90^0 gây thiệt hại cho ngân sách số tiền: **20.928.136 đồng** (Hai mươi triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng), tổng thiệt hại là 294.987.444 đồng gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cho rằng không chỉ đạo cấp dưới làm sai nhưng thực tế là có sai phạm trong quá trình thi công cải tạo, sửa chữa đập Rọ Soong gây thất thoát cho nhà nước số tiền đã nêu trên.

Tại Công văn số 430/TTKĐ-TVXD ngày 19/11/2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc xác định chi phí vận chuyển đất thể hiện:

“1. Về hồ sơ quyết toán được cung cấp đối với công việc vận chuyển đất qua rà soát hồ sơ quyết toán có 03 hạng mục thuộc công trình sửa chữa đập R, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn có công tác vận chuyển đất C2, C3 là hạng mục Đập đất, hạng mục Cống lấy nước, hạng mục đường thi công, cụ thể như sau:

...- Tổng khối lượng vận chuyển đất C3 (Hạng mục Đập đất, Cống lấy nước) là 5.004,3 m³; cự ly vận chuyển phạm vi 8km chưa phù hợp với cự ly vận chuyển theo kết quả xác minh khoảng cách, khai thác vận chuyển dùng để đắp đập 212m

*...3. Giá trị chi phí vận chuyển đất chênh lệch giữa hồ sơ quyết toán với cự ly thể hiện trên biên bản khám nghiệm hiện trường đối với tổng khối lượng vận chuyển đất C3 (hạng mục Đập đất, cống lấy nước) 5.004,3m³; cự ly vận chuyển 8km chưa phù hợp với cự ly vận chuyển theo kết quả xác định khoảng cách khai thác vận chuyển dùng để đắp đập 212m là: 322.219.302 – 59.615.475= **262.603.827 đồng.**”*

Như vậy việc thực hiện nghiệm thu, thanh quyết toán không đúng giá trị thực tế thi công là hành vi vi phạm quy định về nghiệm thu, thanh quyết toán khối lượng hoàn thành và quyết toán công trình xây dựng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ, giá trị vi phạm là **262.603.827 đồng**.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp xây dựng số 379/KL-TTKĐ, ngày 04/11/2022 Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Lạng Sơn trong đó có các nội dung kết luận sau: “ 8.1 ...Giá trị thanh quyết toán đối với các khối lượng công việc xây dựng qua xác định khối lượng thi công hoàn thành đã thi công trên hiện trường có sai lệch so với hồ sơ thanh quyết toán là **11.455.481 đồng**.”.(BL: 134-137)

Tại Bản kết luận giám định tư pháp xây dựng số 332/KL-TTGDCL&QHXD, 09/11/2023 Trung tâm giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn, kết luận trong đó tại mục “8.2” Kết luận có nêu:

“8.2...Số lượng cắt chuyển hướng tại các vị trí ống đi nổi trên hiện trường và cắt góc 90⁰ cuối tuyến có sai lệch với hồ sơ quyết toán.

*Khối lượng công việc xây dựng qua xác định khối lượng hoàn thành đã thi công trên hiện trường có sai lệch so với hồ sơ quyết toán đối với số lượng cắt chuyển hướng và cắt góc 90⁰ giá trị là **20.928.136 đồng**” (BL: 158-165)*

Đào Ngọc D là người có đủ năng lực trách nhiệm, lợi dụng sự buông lỏng quản lý của đơn vị chủ đầu tư, cụ thể là người lãnh đạo quản lý dự án (Nguyễn Hữu T; Lộc Sơn K) và cán bộ quản lý dự án (Phạm H), sự đồng thuận của đơn vị giám sát (Lê Văn K) và lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mình đối với công trình đập R để thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, gây thiệt hại số tiền lớn cho ngân sách Nhà nước. Từ hành vi của Đào Ngọc D, Công ty cổ phần thiết kế xây dựng do Đào Ngọc D làm giám đốc Công ty đã được Nhà nước chuyển khoản thanh toán số tiền đúng ra không được hưởng là 294.987.444 đồng. Như vậy hành vi của Đào Ngọc D thực hiện vì mục đích vụ lợi đã vi phạm điểm a khoản 2 Điều 224 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nguyễn Văn C: Là chỉ huy trưởng công trường, Nguyễn Văn C nhận sự chỉ đạo của Đào Ngọc D trong việc thực hiện thay đổi cự ly lấy đất vận chuyển đắp đập. Nguyễn Văn C là người có năng lực trình độ, điều đó được thể hiện trong hồ sơ năng lực của nhà thầu, đồng thời là người có nhiệm vụ, quyền hạn đối với quá trình thực hiện công trình đập Rọ Soong, đã lợi dụng chức năng, nhiệm vụ của mình trong quá trình thi công dự án để thực hiện tội phạm với lỗi cố ý theo chỉ đạo của Đào Ngọc D

Quá trình thi công công trình, bị cáo Lê Văn K là đại diện đơn vị tư vấn giám sát được Giám đốc xí nghiệp giao nhiệm vụ tổ trưởng tổ giám sát thi công, là người có chức vụ quyền hạn nhất định đối với công trình đập R (Công trình sử dụng vốn Nhà nước) quá trình giám sát với trách nhiệm phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để phát hiện vi phạm nhưng Lê Văn K đã bỏ mặc khi biết Đào Ngọc D và Nguyễn Văn C quá trình thi công công trình lấy đất đắp đập ở cự ly gần đập, nhưng lại kê vị trí ở xa nhưng vẫn ký xác nhận biên bản nghiệm thu thanh quyết toán đối với các hạng mục có vi phạm để Công ty Cổ phần thiết kế xây dựng do Đào Ngọc D làm giám đốc được hưởng lợi số tiền 294.987.444 đồng, gây thất thoát ngân sách Nhà nước (trong đó 262.603.827 đồng là việc kê không đúng cự li vận chuyển đất; 11.445.481 đồng thi công sai thiết kế các hạng mục và hạng mục đường ống thoát nước 20.928.136 đồng). Như vậy hành vi của Lê Văn K đã cấu thành tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" bị cáo Đào Ngọc D và Nguyễn Văn C và bị cáo Lê Văn K đồng phạm với nhau, cùng thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của các bị cáo thực hiện gắn kết và không thể tách rời. bị cáo Đào Ngọc D thực hiện hành vi phạm tội với vai trò khởi xướng và Nguyễn Văn C và Lê Văn K là người thực

hành. Hành vi của Lê Văn K và Nguyễn Văn C đã vi phạm điểm b khoản 1 Điều 224 Bộ luật Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố xét xử, bị cáo Đào Ngọc D đã khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội của bản thân nhưng cho rằng mình không phạm tội, bị cáo cũng đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, quá trình sinh sống tại địa phương thường xuyên tham gia các hoạt động thiện nguyện, tuy nhiên như đã phân tích ở trên bản án sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 224 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ không oan. Cấp sơ thẩm đã xem xét một cách khách quan, đánh giá đúng tính chất mức độ tội phạm và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù là trong phạm vi quy định của pháp luật, tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo nộp cho Tòa án thư cảm ơn của Trường THCS H và Trường THPT chuyên C đối với bị cáo do có nhiều hoạt động thiện nguyện, ủng hộ đối với Nhà trường, nội dung này đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên với những đánh giá như đã nêu cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội "Vi phạm quy định về đầu thầu gây hậu quả nghiêm trọng" là có căn cứ, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bị cáo Đào Ngọc D. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên tội danh và mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Đào Ngọc D.

Bị cáo Nguyễn Hữu T, Lê Văn K sau khi kháng cáo đã có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn ra quyết định đình chỉ là đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với kháng cáo của các bị cáo Lộc Sơn K và Phạm H kháng cáo xin hưởng án treo.

- Bị cáo Lộc Sơn K là phó ban Quản lý dự án, được Nguyễn Hữu T giao công tác trực tiếp chỉ đạo cán bộ quản lý dự án, là người có nhiệm vụ, quyền hạn đối với công trình sửa chữa đập R, là người trực tiếp ký nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. Quá trình thực hiện dự án đã không làm hết trách nhiệm được giao, không tham mưu xác định vị trí lấy đất như báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt, bỏ mặc đơn vị thi công tự quyết định vị trí lấy đất, thiếu sự đôn đốc kiểm tra dẫn đến khi tham gia nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng đã không phát hiện ra các sai phạm của đơn vị nhà thầu, vẫn ký hồ sơ nghiệm thu công trình dẫn đến ngân sách nhà nước bị thất thoát.

- Bị cáo Phạm H là người được giao trực tiếp quản lý dự án, là người giúp việc cho bị cáo Nguyễn Hữu T trong việc nghiệm thu khối lượng thi công, đề nghị thanh quyết, toán, nhưng Phạm H đã không thực hiện hết trách nhiệm được giao, không kiểm tra kỹ các hồ sơ nghiệm thu trước khi trình lãnh đạo phê duyệt giải ngân, không kịp thời phát hiện và báo cáo sai phạm với lãnh đạo Ban Quản lý dự án, hành vi của Phạm H tạo điều kiện thuận lợi để các bị cáo Đào Ngọc D, Nguyễn Văn C, Lê Văn K thực hiện tội phạm, từ đó gây thất thoát ngân sách nhà nước.

Hành vi của các bị cáo Lộc Sơn K và Phạm H đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của Nhà nước trong công tác quản lý, đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn của Nhà nước, gây thiệt hại nghiêm trọng đến ngân sách Nhà nước. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm đã khai báo toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội, nhưng chưa nhận thức rõ ràng về hành vi phạm tội, chưa có thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội nhưng cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định mức hình phạt trong phạm vi điều luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội;

Bị cáo Lộc Sơn K cung cấp Công văn số 374/BQLDA ngày 24/4/2024 của Ban Quản lý dự án huyện C; Công văn số 1563/UBND -VP ngày 31/5/2024 của UBND huyện C đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng án treo; 01 giấy xác nhận của Phòng GDĐT huyện C về việc năm học 2022-2023 bị cáo ủng hộ Nhà trường 10.000.000 đồng giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Giấy xác nhận của UBND xã T, huyện Cc về việc năm 2022 bị cáo đã ủng hộ xã nguyên vật liệu để xây dựng Nhà văn hóa thôn; 01 biên lai nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; giấy báo tin và chứng nhận ông Lộc Văn T (H) là Liệt sĩ; 01 Huy chương kháng chiến của ông Lộc Viết K là bố đẻ bị cáo; 03 giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn và Liên đoàn Lao động huyện C, tỉnh Lạng Sơn khen thưởng đối với bị cáo;

Bị cáo Phạm H cung cấp cho Tòa án biên lai nộp án phí HSST 200.000 đồng; Bố bị cáo là ông Phạm Mạnh T được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng và phát triển hội giáo chức Việt Nam; được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; mẹ đẻ của bị cáo là Nguyễn Thị H được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; bố vợ của bị cáo là ông Trình Trọng K được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; Thư cảm ơn của Trường Tiểu học Thị trấn H, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo trong năm 2022 đã chung tay ủng hộ nhu yếu phẩm cho học sinh của Nhà trường bị Covid.

Đây là những tình tiết mới có thể xem xét áp dụng cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Mặt khác, các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H đã có thái độ khai báo thành khẩn, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo nhận thức rõ về hành vi phạm tội của bản thân đã gây ra, có thái độ ăn năn hối hận, có nhân thân tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng. Tại phiên tòa hôm nay ông Vi Hoàng M là Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để cơ quan tiếp tục bố trí công việc cho bị cáo. Do các bị cáo Lộc Sơn K và Phạm H có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đối chiếu với quy định của pháp luật các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H, giữ nguyên mức hình phạt của cấp sơ thẩm và chuyển cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 54/2024/HSST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Ngọc D, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đào Ngọc D.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lộc Sơn K và Phạm H, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm, chuyển cho các bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Đào Ngọc D trình bày:

Án sơ thẩm xét xử bị cáo Đào Ngọc D về tội “*vi phạm các quy định về đầu tư xây dựng công trình gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại Điều 224 Bộ luật Hình sự năm 2015 là oan sai. Bị cáo Đào Ngọc D không đạt dấu hiệu chủ thể của tội phạm; bị cáo không phải là chủ thể đầu tư, không phải là người có chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực đầu tư, quản lý nhà nước về đầu tư, hoặc doanh nghiệp sở hữu vốn nhà nước, không thực hiện các dấu hiệu của Điều 224 Bộ luật Hình sự và Điều 3, khoản 9 của Luật xây dựng. Bị cáo ký nhận các Bảng phụ lục khối lượng để nghiệm thu kèm theo biên bản nghiệm thu số 03 ngày 28/4/2017 với tư cách là Nhà thầu, là thành phần tham gia nghiệm thu theo quy định tại Điều 6, khoản 6.3 điểm c của hợp đồng, không phải là chủ đầu tư, không phải là người có quyền tổ chức nghiệm thu, theo Điều 123 Luật xây dựng.

Theo quy định tại Thông Tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về: Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, điều chỉnh dự toán, nghiệm thu công trình sử dụng vốn của Nhà nước: Tại Điều 1, khoản 2 quy định về chủ thể nghiệm thu, Bị cáo D không phải là những chủ thể này.

Tại Điều 4, khoản 1,2,3 quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán, nghiệm thu công trình xây dựng gồm: “*Người Quyết định đầu tư, chủ đầu tư, cơ quan tổ chức thẩm định, tổ chức tư vấn xây dựng*”. Bị cáo D không phải là những chủ thể này.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 32, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 quy định về thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn. Bị cáo Đào Ngọc D không phải là người Quyết định chủ trương đầu tư không phải là chủ đầu tư, không phải cơ quan tổ chức thẩm định, không phải tổ chức tư vấn xây dựng thực hiện hành vi nghiệm thu công trình mà bị cáo chỉ là nhà thầu vì vậy không thể là chủ thể bị áp dụng tình tiết định tội theo điểm b, Điều 224 của Bộ luật Hình sự.

Về khung hình phạt: Việc xác định khung hình phạt của án sơ thẩm cũng không đúng cụ thể theo khoản 2 Điều 224 Bộ luật Hình sự “*vì vụ lợi*”. Theo Điều 3, khoản 7, Luật phòng chống tham nhũng quy định “*Vụ lợi là việc người có chức vụ quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng*”. Người có chức vụ quyền hạn trong tội này là người có chức vụ quyền hạn trong việc “*Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, điều chỉnh dự toán, nghiệm thu công trình sử dụng vốn của Nhà*”. Vậy bị cáo không phải

chủ thể nhiệm vụ chỉ tham gia nhiệm vụ công trình do mình trực tiếp thi công, bị cáo không phải là người có chức vụ quyền hạn trong việc thực hiện các hành vi định tội theo khoản 2 Điều 224 của Bộ luật Hình sự. Vụ lợi ở đây là: Làm sai lệch trong việc lập dự án, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công dự án để hưởng lợi. Khoản tiền 262.603.872 đồng được thanh quyết toán chung theo từng giai đoạn của công trình, không thanh toán bóc tách. Khoản tiền trên thanh toán cho pháp nhân Công ty, không thanh toán riêng cho cá nhân bị cáo.

Công ty do bị cáo làm đại diện theo pháp luật là loại hình Công ty cổ phần theo Điều 111, khoản 1, Luật doanh nghiệp; toàn bộ số tiền tạm ứng và số tiền thanh quyết toán đều được kho bạc chuyển khoản vào tài khoản của pháp nhân Công ty để phục vụ cho hoạt động chung của công ty không chuyển vào tài khoản của cá nhân bị cáo.

Chủ thể đã không đạt thì có thực hiện hành vi gì đi nữa thì cũng chỉ là hành vi hành chính cụ thể: Vận chuyển đất gần hơn theo dự toán không phải là làm thay đổi biện pháp thi công mà đây chỉ là thay đổi công việc thực hiện; Biện pháp thi công vẫn đảm bảo theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt; Khoảng cách vận chuyển đất nằm trong dự toán công trình và báo cáo kỹ thuật công trình để xin vốn không nằm trong hợp đồng. Theo quy định tại Điều 11, khoản 1.1 điểm b của hợp đồng quy định “được quyền thay đổi biện pháp thi công” Quá trình thay đổi cự ly vận chuyển đất chủ đầu tư biết, giám sát thi công biết nhưng không có ý kiến đồng nghĩa với việc đồng ý.

Theo khoản 1, Điều 135 Luật xây dựng năm 2014 được sửa đổi bổ sung năm 2020, Dự toán do chủ đầu tư lập để xác định giá làm căn cứ để ký kết hợp đồng trọn gói, không phải là căn cứ để thực hiện hợp đồng; Trong hợp đồng trọn gói không thể hiện cự ly vận chuyển đất. Dự toán chỉ là căn cứ để xác định giá, xin vốn và định lượng giá khi ký kết hợp đồng, Hợp đồng mới là văn bản pháp lý có giá trị pháp lý để thực hiện; dự toán công trình không phải là văn bản pháp lý để nhà thầu thực hiện, trên thực tế Bộ luật Dân sự chỉ quy định về tranh chấp hợp đồng, không có quy định nào của pháp luật quy định về tranh chấp dự toán để ký kết hợp đồng.

Theo Điều 3, khoản 3, Luật xây dựng, báo cáo kỹ thuật công trình là tài liệu làm cơ sở xem xét quyết định đầu tư; không phải là văn bản để nhà thầu thực hiện theo.

Án sơ thẩm không căn cứ vào văn bản pháp lý có giá trị thực hiện đối với các bên là hợp đồng mà căn cứ vào cự ly vận chuyển đất nêu trong dự toán công trình và báo cáo kỹ thuật công trình là những văn bản để xin vốn, để xem xét quyết định đầu tư do chủ đầu tư lập để làm căn cứ xác định giá trị trước khi ký hợp đồng, những văn bản trên không có giá trị bắt buộc thực hiện với nhà thầu, nhưng viện dẫn để xét xử bị cáo là oan sai và sai lầm rất nghiêm trọng trong nhận thức và áp dụng pháp luật.

Hợp đồng bị cáo ký kết với ban quản lý là hợp đồng trọn gói: Theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 62, Luật Đấu thầu 2011. Đối với hợp đồng trọn gói, tại thời điểm ký hợp đồng thì giá trị hợp đồng là cố định, không được điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng; Hợp đồng bị cáo ký với chủ đầu tư là

hợp đồng trọn gói không phải hợp đồng theo đơn giá vì vậy việc thanh toán theo đúng giá hợp đồng là phù hợp với pháp luật. Giá được thực hiện theo Điều 8, nếu không có thay đổi thực hiện theo Điều 9 của hợp đồng và trên thực tế không có sự thay đổi điều chỉnh hợp đồng vì vậy nhà thầu lấy đất nhà ông Ngọc và Quyết toán theo hợp đồng cũng không sai, quá trình lấy đất và quá trình nghiệm thu trong đó có cự ly vận chuyển đất nhà chủ đầu tư biết vẫn nghiệm thu, ký nghiệm thu không có ý kiến.

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 15, Nghị định 37/2015/NĐ-CP về quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng thì điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng trọn gói. Hợp đồng bị cáo ký với Ban quản lý không phải là hợp đồng EC, EP, PC, EPC hay hợp đồng chìa khóa trao tay mà là hợp đồng trọn gói vì vậy việc thanh toán theo đúng giá trị ghi trên hợp đồng là chính xác.

Tại Điều 5 của hợp đồng có quy định rất rõ *“Nhà thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật trong hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật được chủ đầu tư chấp thuận và biên bản đàm phán ký kết hợp đồng, đảm bảo tiến độ, giá cả an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng”*. Hợp đồng là văn bản pháp lý duy nhất, có giá trị thực hiện đối với nhà thầu và giàng buộc trách nhiệm của nhà thầu đối với chủ đầu tư. Hợp đồng được ký kết giữa các bên không có điều khoản nào quy định về cự ly vận chuyển đất mà chỉ được nêu trong dự toán và báo cáo kinh tế kỹ thuật của chủ đầu tư để xin vốn, để xem xét quyết định đầu tư. Việc thay đổi vị trí lấy đất là thay đổi phạm vi công việc nêu trong dự toán không được quy định trong hợp đồng, không phải là thay đổi biện pháp thi công. Nếu có thay đổi phạm vi công việc chủ đầu tư phải thực hiện theo Điều 9 của hợp đồng, nhưng trên thực tế chủ đầu tư không thay đổi.

Trong quá trình thi công chủ đầu tư không chỉ vị trí lấy đất, không xác định vị trí lấy đất cho nhà thầu; nhà thầu đã tiến hành lấy mẫu đất nhà ông Đình Văn Ngọc thực hiện thí nghiệm phù hợp được chủ đầu tư chấp thuận; quá trình thi công chủ đầu tư biết vị trí lấy đất nhưng không ký phụ lục điều chỉnh hợp đồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Hợp đồng. Đây là lỗi của chủ đầu tư không phải lỗi của nhà thầu, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện theo hợp đồng đã ký, trong hợp đồng tại Điều 9 có quy định về điều chỉnh tăng, điều chỉnh giảm: Nếu cho rằng vị trí lấy đất gần phải thực hiện lập phụ lục điều chỉnh giảm kèm theo, nhưng chủ đầu tư không lập, không có quy định nào của pháp luật buộc nhà thầu phải đề nghị điều chỉnh giảm khi phạm vi công việc giảm. Hoặc khi tiến hành nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng nếu cho rằng chỉ được thanh toán theo cự ly thực tế thì chủ đầu tư hoặc cơ quan thẩm định phải thực hiện việc thoái chỉ đối với phần cự ly vận chuyển đất; Hoặc nếu đã thanh quyết toán thì thực hiện thủ tục xuất toán; Nhà thầu thực hiện theo đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng, thanh toán theo đúng giá trị ghi trên hợp đồng, nhà thầu không có lỗi gì.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15, khoản 5 Điều 19, điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Hồ sơ thanh toán được chủ đầu tư thẩm định, phòng tài chính thẩm định: Quá trình thẩm định nếu có thay đổi

phạm vi công việc: Nếu chưa chi thì thực hiện việc thoái chi; Nếu đã chi thì thực hiện việc xuất toán.

Trong hồ sơ điều chỉnh dự toán công trình được thẩm định việc vận chuyển đất đắp có các cự ly 300m; 01 km và 7+1km: Như vậy hồ sơ điều chỉnh dự toán về cự ly vận chuyển đất: Vận chuyển ở cự ly 300 mét cũng không sai, 01km cũng không sai và 7+1km cũng không sai, nhưng dự toán điều chỉnh không điều chỉnh về giá. Do vậy nhà thầu thanh toán giá của 7+1km cũng phù hợp vì có điều chỉnh về giá đầu mà thanh toán thấp hơn. Nếu có sai thì thuộc nhà đầu tư không thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

Về giám định thiệt hại: Công văn số 430/TTKĐ-TVXD ngày 19/11/2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Lạng Sơn không phải là kết luận giám định về tài chính mà là giám định chất lượng công trình xây dựng. Công văn số 430/TT430/TTKĐ-TVXD ngày 19/11/2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Lạng Sơn, không phải là kết luận giám định về xây dựng theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Phải thực hiện việc trưng cầu Giám định xây dựng theo quy định tại 10 Điều 2 Nghị định 06/2021/NĐ-CP, trên cơ sở kết luận giám định về xây dựng mới thực hiện việc giám định tư pháp theo vụ việc lĩnh vực tài chính đầu tư.

Các kết luận giám định tư pháp theo vụ việc lĩnh vực tài chính đầu tư; từ ngày 14/12/2022 - 05/01/2023 khi chưa có kết luận giám định xây dựng là không chính xác.

Tại kết luận giám định tài chính (BL số 154) đơn vị giám định căn cứ vào Nghị định số 121/2013/NĐ-CP, không liên quan đến lĩnh vực tài chính, Cơ quan giám định lấy giá trị thiệt hại theo Công văn số 430/TTKĐ-TVXD ngày 19/11/2022, để xác định số tiền chênh lệch cự ly vận chuyển đất là 262.063.827 đồng là không đúng (đây không phải là giám định xây dựng).

Kết luận giám định tư pháp xây dựng số 379/KL-TTKĐ không có ngày ban hành;. Kết luận giám định đã kết luận giá trị vi phạm hành chính là 262.603.827 đồng là hành vi vi phạm Nghị định số 121/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ; không kết luận gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước theo nội dung trưng cầu giám định.

Tại khoản 7, 8 Điều 18 Nghị định số 121/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ. Kết luận giám định tư pháp tài chính theo vụ việc kết luận: Giá trị vi phạm là 262.603.827 đồng (không kết luận gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước mà chỉ kết luận giá trị vi phạm hành chính) là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng theo quy định tại Nghị định số 121/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ.

Án sơ thẩm viện dẫn các điều luật như: Khoản 3, Điều 137 Luật xây dựng; Khoản 4, Điều 144 Luật xây dựng; Điều 27, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP điều chỉnh việc thanh toán quyết toán công trình không nằm trong cấu thành cơ bản của điều luật để cho rằng bị cáo phạm tội là oan sai.

Bị có Lê Văn K là viên chức Nhà nước, là người đại diện cho đơn vị giám sát thi công, được giao nhiệm vụ trực tiếp giám sát nhà thầu, không thể là đồng phạm với bị cáo D vì có quyền lợi đối lập nhau, không đạt các dấu hiệu về đồng

phạm, nhưng án sơ thẩm lại xét xử bị cáo theo Điều 224 Bộ luật Hình sự năm 2024 là không đúng tội danh.

Từ các căn cứ pháp lý nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo; Áp dụng Điều 355, khoản 1, điểm c, Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tuyên hủy một phần Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Đào Ngọc D, chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán cấp sơ thẩm, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đào Ngọc D kêu oan. Các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin tòa xem xét, cho các bị cáo hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét kháng cáo của bị cáo Đào Ngọc D: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm; áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm, xử phạt bị cáo Đào Ngọc D về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan; mức án phạt là phù hợp.

[2.1.1] Các bị cáo Đào Ngọc D, Lê Văn K, Nguyễn Văn C là các đồng phạm giản đơn về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng: Ngày 08-8-2016, Nguyễn Hữu T là Trưởng Ban quản lý dự án, đại diện Chủ đầu tư ký Hợp đồng số 64a/2016/HĐ-TVGS về tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình với Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi C (Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn) do Lê Văn T làm Giám đốc, Lê Văn K là cán bộ, trực tiếp thực hiện. Như vậy, Lê Văn K là cán bộ Nhà nước, thông qua hợp đồng Lê Văn K đã được thực hiện quyền của chủ đầu tư trong việc thực hiện các nhiệm vụ giám sát thi công và những công việc liên quan.

[2.1.2] Các bị cáo Đào Ngọc D, Lê Văn K, Nguyễn Văn C đều là những người làm công tác quản lý, kinh doanh xây dựng hoặc trực tiếp chỉ huy thi công. Hơn ai hết các bị cáo Đào Ngọc D, Lê Văn K, Nguyễn Văn C biết rõ các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực xây dựng mà mình quản lý, thi công. Nhưng các bị cáo nghiệm thu không đúng thực tế, dẫn đến thanh toán,

quyết toán không đúng thực tế gây thất thoát tiền của Nhà nước trên 100.000.000 đồng; các bị cáo đã tiếp nhận ý chí qua hành động, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Văn K phạm tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng là có căn cứ, bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, trong các đồng phạm, có đồng phạm thực hành là Lê Văn K thỏa mãn về chủ thể tội phạm; các bị cáo Đào Ngọc D, Nguyễn Văn C là đồng phạm với Lê Văn K nên thỏa mãn về chủ thể tội phạm.

[2.1.3] Các bị cáo Lê Văn K, Nguyễn Văn C phạm tội không có yếu tố vụ lợi nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 224 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ. Bị cáo Đào Ngọc D phạm tội để Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng do bị cáo làm Giám đốc hưởng lợi thỏa mãn yếu tố vụ lợi nên bị cáo Đào Ngọc D bị xét xử theo điểm a khoản 2 Điều 224 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2.1.4] Hành vi của các bị cáo Đào Ngọc D, Lê Văn K, Nguyễn Văn C đã xâm phạm đến chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước về đầu tư xây dựng công trình, gây gây thất thoát tiền của Nhà nước trên 100.000.000 đồng, đã thỏa mãn dấu hiệu tội phạm quy định tại Điều 224 của Bộ luật Hình sự năm 2015, nên việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo quy định pháp luật hình sự là có căn cứ; không thuộc phạm vi xử phạt vi phạm hành chính.

[2.1.5] Về xác định thiệt hại: Việc giám định tư pháp trong vụ án là hoàn toàn vô tư khách quan; đã có kết quả giám định chất lượng xây dựng. Tại tòa, Giám định viên tài chính khẳng định kết quả giám định là hoàn toàn chính xác, đúng quy định của pháp luật. Kết quả giám định tài chính đã thể hiện đầy đủ về thiệt hại xảy ra nên cần căn cứ vào kết quả giám định tài chính làm căn cứ xác định thiệt hại để giải quyết vụ án.

[2.1.6] Lợi dụng việc chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư huyện Cao Lộc không xác định vị trí và bàn giao vị trí lấy đất cho đơn vị thi công lấy đất đắp đập, dựa trên báo cáo kỹ thuật được phê duyệt là lấy đất đắp đập tại xã Hòa Cư, huyện Cao Lộc vận chuyển đến công trình với cự li là 8 km (8000m), đã được thẩm định phê duyệt. Hồ sơ điều chỉnh dự toán công trình đã được thẩm định thì việc vận chuyển đất đắp đập có các cự li 300m; 01km; 07+01 km. Khối lượng đất cần vận chuyển để thi công là 5004,3m³. Trong quá trình thi công Đào Ngọc D đã chỉ đạo Nguyễn Văn C là chỉ huy trưởng Công trình có trách nhiệm chỉ đạo nhân công, máy móc mở đường và lấy đất thừa để đắp đập. Theo biên bản khám nghiệm hiện trường xác định vị trí mức lấy đất, vận chuyển để đắp đập có cự ly là 212 m. Tuy nhiên bị cáo Đào Ngọc D và Lê Văn K không báo cáo đề xuất để thay đổi vị trí lấy đất (đề xuất sửa đổi thiết kế xây dựng) cho phù hợp với thi công mà tự ý thay đổi vị trí lấy đất đắp đập đồng thời khi lập hồ sơ thanh quyết toán Nguyễn Văn C và Đào Ngọc D đã lập giá trị nghiệm thu, thanh quyết toán với cự ly vận chuyển đất từ 212m lên 8000m để Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng, do Đào Ngọc D làm Giám đốc hưởng lợi, đồng thời Nhà nước bị thất thoát số tiền 262.603.827 đồng. Ngoài ra Đào Ngọc D đã chỉ đạo Nguyễn Văn C thi công sai thiết kế đối với hạng mục gồm: Đập đất; Tràn xả lũ;

Nhà tre van; Cầu Công tác; Nhà van hạ lưu; Đường quản lý khai thác có sai lệch giữa hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán với hồ sơ hoàn công và kết quả kiểm tra hiện trường, việc thi công sai thiết kế này gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền **11.455.481 đồng**, còn đối với hạng mục đường ống dẫn nước (ống gang), quá trình thi công, nhà thầu xây dựng đã lắp đặt thiếu cút chuyển hướng và cút góc 90⁰ gây thiệt hại cho ngân sách số tiền: **20.928.136 đồng** (Hai mươi triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng), tổng thiệt hại là 294.987.444 đồng gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước.

[2.1.7] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình bản phô tô biên bản bàn giao thực địa công trình, sửa chữa đập R, xã H; Quyết định về việc thành lập ban chỉ huy công trình; Biên bản về việc thuê mặt bằng và đền bù hoa màu; Diễn giải các căn cứ pháp lý liên quan kháng cáo; Bảng phụ lục đơn giá tổng hợp kèm theo hợp đồng để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; đối với Thư cảm ơn của Trường THCS H và Thư cảm ơn của Đoàn trường THPT chuyên C bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuy nhiên không làm thay đổi bản chất của vụ án; Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H thấy rằng:

[2.2.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét khách quan, toàn diện, đánh giá đúng nhân thân, đúng mức độ hành vi phạm tội và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất của hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

[2.2.3] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lộc Sơn K cung cấp 01 công văn số 1563/UBND-VP của UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn; công văn số 374/BQLDA của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C, tỉnh Lạng Sơn; giấy xác nhận ủng hộ kinh phí của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện C, tỉnh Lạng Sơn; giấy xác nhận ủng hộ xây dựng nhà văn hóa thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; bản phô tô biên lai nộp số tiền 200.000 đồng án phí sơ thẩm; bản sao giấy xác nhận ông Lộc Văn T là liệt sĩ; bản sao Huy chương kháng chiến hạng Nhất của ông Lộc Viết K; bản sao Giấy khen năm 2019, 2022 của UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn; bản sao Giấy khen năm 2019 của Liên đoàn lao động huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Phạm H cung cấp biên lai nộp số tiền 200.000 đồng án phí sơ thẩm; bản sao giấy chứng nhận bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Mạnh T được thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; bản sao Kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng và phát triển hội cựu giáo chức Việt Nam mang tên ông Phạm Mạnh T; 01 bản sao Huy chương kháng chiến hạng Nhất mang tên Trình Trọng K; phiếu xét nghiệm, khám chữa bệnh mang tên Trình Thanh; thư cảm ơn của trường Tiểu học thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; 07 phiếu khám xét nghiệm và kết quả khám mang tên Trình Thanh T nên các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2.2.4] Các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H bị phạt tù không quá 03 năm, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, ổn định, rõ ràng; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định nêu trên nên cần chấp nhận.

[4] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đào Ngọc D không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[5] Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Đào Ngọc D không được chấp nhận nên bị cáo Đào Ngọc D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; kháng cáo của bị cáo Lộc Sơn K và bị cáo Phạm H được chấp nhận nên các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Đào Ngọc D; giữ nguyên nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2024/HS-ST ngày 22-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Đào Ngọc D, cụ thể như sau:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đào Ngọc D.

1.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Ngọc D phạm tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng.

1.2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đào Ngọc D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2024/HS-ST ngày 22-5-

2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, về phần hình phạt đối với các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H, cụ thể như sau:

Căn cứ vào điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 41; Điều 50; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Lộc Sơn K và Phạm H.

2.1. Xử phạt bị cáo Lộc Sơn K 01 (một) năm tù cho hưởng án treo về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 24-9-2024.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Cấm bị cáo Lộc Sơn K làm công việc có liên quan về đầu tư công trình sử dụng vốn của Nhà nước. Thời hạn cấm là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 24-9-2024.

2.2. Xử phạt bị cáo Phạm H 01 (một) năm tù cho hưởng án treo về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 24-9-2024.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Cấm bị cáo Phạm H làm công việc có liên quan về đầu tư công trình sử dụng vốn của Nhà nước. Thời hạn cấm là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 24-9-2024.

2.3 Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, h khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đào Ngọc D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Lộc Sơn K, Phạm H không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24-9-2024./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; Tòa HS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm